TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 09-01-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Trương Thanh Tuấn

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 484/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) Bưu Điện L nay đổi tên là Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Hữu T1 - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần L, chi nhánh H.

- *Người được ủy quyền lại*: Bà Lâm Thị Diệu T2 - sinh năm: 1990. Có mặt

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Ông Bùi D - Sinh năm: 1966. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị T3 - sinh năm: 1967. Có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà Lâm Thị Diệu T2 trình bày:

Ngày 18/10/2019, Ngân hàng TMCP B (Nay đổi tên Ngân hàng TMCP L) có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng với ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 vay tiền, mục đích vay tiêu dùng vốn gốc là 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Thời hạn vay từ ngày 18/10/2019 đến ngày 18/10/2024. Hình thức vay là tín chấp, không tài sản bảo đảm, phương thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 28, trả trong 60 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/11/2019 đến ngày 18/10/2024.

Quá trình vay vốn, ông D và bà T4 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 42 kỳ, tổng số tiền gốc là 175.143.649 đồng, tiền lãi là 88.700.079 đồng.

Sau đó, ông D và bà T4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã cử cán bộ tín dụng nhiều lần đến trực tiếp trao đổi và nhắc nhở nghĩa vụ trả nợ nhưng ông D và bà T4 vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông D và bà T4 đã vi phạm điểm a, b khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 28/4/2023.

Tại phiên toà, Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp tín dụng tạm tính đến ngày xét xử (ngày 09/01/2025) nợ gốc là: 74.856.351 đồng, lãi trong hạn 36.436.907 đồng, lãi quá hạn gốc 11.115.615 đồng, lãi chậm trả lãi là 3.336.548 đồng, tổng cộng là 125.745.422 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông D và bà T4 phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày 09/01/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2023, bị đơn là ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 trình bày:

Ông D và bà T4 thừa nhận có vay vốn gốc tại Ngân hàng TMCP B là 250.000.000 đồng. Ông bà đã trả nợ được một phần, số tiền gốc còn lại ông bà yêu cầu trả dần, do điều kiện kinh tế gia đình hiện rất khó khăn, mỗi tháng xin trả gốc 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng nên đây là tranh

chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang và nơi giao kết và thực hiện hợp đồng là huyện G nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Ông D và bà T4 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng ông D vắng mặt không lý do tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, bà T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông bà không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D và bà T4.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD800201910968 ngày 18/10/2019 thể hiện ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B (Nay đổi tên Ngân hàng TMCP L) với vốn gốc là 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi là 10%/năm. Thời hạn vay từ ngày 18/10/2019 đến ngày 18/10/2024. Hình thức vay là tín chấp, không tài sản bảo đảm, phương thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 28, trả trong 60 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/11/2019. Thời hạn vay là 05 năm, ngày 18/10/2024 thì đến hạn.

Hợp đồng tín dụng trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại bản tự khai, ông D và bà T4 thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng B (Nay đổi tên Ngân hàng TMCP L, số tiền gốc là 250.000.000 đồng, ông bà đã thanh toán được 01 phần nợ, hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà yêu cầu Ngân hàng xem xét cho trả dần hàng tháng số tiền còn lại, mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Từ đó cho thấy ông bà đã thừa nhận nợ, không ý kiến phản đối đối với các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết quy định tại điểm a, b khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 28/4/2023 và hiện hợp đồng cũng đến hạn thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả nợ gốc của Ngân hàng TMCP L đối với ông D và bà T4 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ông D và bà T4 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ gốc còn thiếu là 74.856.351 đồng

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP L:

Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất của Ngân hàng và ông D - bà T4 thống nhất theo hợp đồng tín dụng đã giao kết, ông D và bà T4 không có yêu cầu phản tố.

Ông D và bà T4 phải thanh toán khoản nợ lãi trong hạn từ ngày 28/4/2023 đến ngày 18/10/2024, tính theo số tiền lãi tương ứng trong hạn từng tháng phải thanh toán là: 36.436.907 đồng.

Khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/4/2023 do đó mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng yêu cầu ông D và bà T4 phải thanh toán nợ lãi quá hạn 1.25%/tháng và lãi chậm trả lãi 10%/năm là phù hợp theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao buộc ông D và bà T4 phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ lãi quá hạn gốc còn thiếu tạm tính đến ngày 09/01/2025, cụ thể:

- Lãi trong hạn: từ ngày 28/4/2023 đến ngày 18/10/2024, tính theo số tiền lãi tương ứng trong hạn từng tháng phải thanh toán tổng số tiền là: 36.436.907 đồng;

- Lãi quá hạn gốc: từ ngày 28/4/2023 đến ngày 09/01/2025, tính theo số tiền gốc quá hạn từng tháng tổng số tiền là: 11.115.615 đồng;

- Lãi chậm trả lãi: từ ngày 29/5/2023 đến ngày 09/01/2025, tính theo số tiền lãi chậm trả lãi từng tháng tổng số tiền là 3.336.548 đồng.

Tổng cộng các khoản gốc và lãi ông D và bà T4 phải trả, tạm tính đến ngày 09/01/2025 là 125.745.422 đồng và lãi phát sinh sau ngày 09/01/2025.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B (Nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.030.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008330 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 125.745.422 đồng x 5% = 6.287.271 đồng làm tròn là 6.287.300 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L với ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2025. Trong đó nợ gốc là: 74.856.351 đồng, lãi trong hạn 36.436.907 đồng, lãi quá hạn gốc là 11.115.615 đồng, lãi chậm trả lãi là 3.336.548 đồng.

Tổng cộng là 125.745.422 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.030.000 đồng (*Hai triệu, không trăm, ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008330 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Bùi D và bà Nguyễn Thanh T4 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 125.745.422 đồng x 5% = 6.287.271 đồng làm tròn là 6.287.300 đồng (*Sáu triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm đồng*).

Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/01/2025. Ông D và bà T4 được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An